

## LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

## QUYỂN 47

Chương 3: **KIÊN-ĐỘ TRÍ**Phẩm 1: **TÁM ĐẠO**, Phần 2

Hỏi: Thể tánh của bốn đạo là gì?

Đáp: Là tánh của năm ấm, bốn ấm. Nếu ở địa thiên là năm ấm, ở định Vô sắc là bốn ấm. Đó là phần vật, ngã tướng, thể tánh của bốn đạo.

Đã nói thể tánh, về lý do nay sẽ nói.

Vì sao gọi là Đạo? Đạo là nghĩa gì? Nghĩa hướng đến nghĩa chánh là nghĩa đạo. Nghĩa hướng tới thành Niết-bàn là nghĩa của đạo. Đạo tuệ khổ chậm.

Hỏi: Đạo vô lậu chẳng phải khổ thọ, không tương ứng với khổ thọ, vì sao gọi là khổ?

Đáp: Vì đạo Vô sắc của các biên khó sinh, nên gọi là khổ, vì đạo của thiên căn bản dễ sinh, nên gọi là vui.

Thế nào là đạo Vô sắc của các biên khó sinh?

Đáp: Phiền não cõi Dục và nghiệp trói buộc, nên phải dụng công nhiều mới sinh được thiên Vị chí. Như người bị trói buộc, phải dùng sức lực nhiều mới có thể tự cởi trói. Người sinh thiên Vị chí kia cũng giống như thế.

Hoặc có người tu quán bất tịnh, sinh địa Vị chí. Hoặc có người tu niệm hơi thở ra vào, sinh địa Vị chí. Người tu quán bất tịnh, trong mười năm, mười hai năm, thường quán xương trắng, có người có thể sinh về địa kia, hoặc không thể sinh! Người tu niệm hơi thở ra vào, trong mười năm, mười hai năm, thường đếm hơi thở, có người có thể sinh về địa kia, hoặc không thể sinh!

Đã lia ái dục, không dụng công nhiều, có thể khởi Sơ thiên hiện ở trước. Sơ thiên khác với tâm pháp tâm sở diệt, khác với tâm pháp tâm

sở sinh, diệt tâm thô, sinh tâm tế, giác diệt với tâm, tâm đi chung quán sinh. Như người dùng gỗ chẻ gỗ, phải dùng nhiều công sức, mới chẻ được gỗ. Người tu Sơ thiền cũng thế. Khác với pháp tâm, tâm sở diệt, khác với pháp tâm, tâm sở sinh. Tâm thô diệt, tâm tế sinh, giác đi chung với tâm diệt, quán đi chung với tâm sinh. Đã lìa dục của Sơ thiền, nên không dùng nhiều công sức khởi Nhị thiền hiện ở trước. Đệ tam, đệ Tứ thiền cũng giống như thế.

Hỏi: Lìa dục của đệ Tứ thiền, cũng không dùng nhiều công sức để khởi định Vô sắc hiện ở trước, vì sao gọi là đạo khổ?

Đáp: Định Vô sắc là pháp vi tế. Hoặc có người nói không có định Vô sắc, nghĩa là như cư sĩ Đa-tỳ-bà đi đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi rằng: Thưa Tôn giả A-nan! Tôi là người tại gia, suốt đêm dài sanh tử ưa đắm nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, nghe nói chúng sinh Vô sắc, lòng cảm thấy sợ hãi, như sắp rơi xuống hố lớn!

Tại sao gọi là chúng sinh mà không có sắc! Thiền căn bản là đạo vui. Như hai người đều đến một chỗ. Một đi bằng đường thủy, một đi bằng đường bộ. Mặc dù cả hai đều đến một chỗ, nhưng người đi bằng đường thủy thì cảm thấy vui chứ chẳng phải người đi bằng đường bộ! Các chúng sinh lìa dục cũng giống như thế. Hoặc có người dựa vào các biên nơi định Vô sắc, hoặc nương dựa căn bản. Mặc dù đều lìa dục, nhưng người nương thiền thì vui, chẳng phải các biên nơi định Vô sắc!

Lại nữa, vì có hai thứ vui, nên gọi là vui: Đó là vui thọ, vui khinh an. Trong ba thiền, có vui khinh an, vui thọ. Đệ Tứ thiền, dù không có vui thọ, nhưng vui khinh an hơn nhiều. Địa khác có hai thứ vui.

Lại nữa, vì có hai thứ vui nên gọi là vui, đó là: vui ở lâu, vui khách. Vui ở lâu, nghĩa là trụ trong thiền, khởi thiền hiện ở trước. Vui khách, nghĩa là trụ trong thiền, khởi định Vô sắc hiện ở trước.

Phần còn lại nói về tướng vui thiền, có nói rộng trong bốn thiền như trên.

Hỏi: Vì sao gọi là chậm?

Đáp: Vì được đạo này thì không thể nhanh chóng đến thành Niết-bàn, nên gọi là chậm.

Hỏi: Vì sao gọi là nhanh?

Đáp: Vì người được đạo này có thể chóng đến thành Niết-bàn, nên gọi là nhanh.

Hỏi: Nếu không nhanh chóng đến gọi là chậm, nhanh chóng đến gọi là nhanh. Nghĩa là: Có người Tín giải thoát nhanh chóng đến hơn người Kiến đáo. Nghĩa là nếu người Tín giải thoát siêng năng tinh tiến,

người Kiến đạo không siêng năng tinh tiến thì người Tín giải thoát sẽ nhanh chóng có chỗ đến, chứ chẳng phải người Kiến đạo. Như kệ nói:

*Buông lung, không buông lung,  
Tỉnh thức và mê ngủ  
Giống như ngựa chậm, nhanh  
Người phát trước, đến trước.*

Giống như hai người cùng đến một nơi: Một người cỡi ngựa nhanh, một người cỡi ngựa chậm. Mặc dù cỡi ngựa chậm, nhưng nếu xuất phát trước, thì đến trước. Cũng thế, người Tín giải thoát nếu siêng năng hành tinh tiến nên đến Niết-bàn trước. Người Kiến đạo nếu không siêng năng, thì đến Niết-bàn sau?

Đáp: Ở đây nói đều hành tinh tiến, nghĩa là nếu đồng hành tinh tiến thì người Kiến đạo sẽ đến trước.

Hỏi: Bốn đạo này là tánh của bốn ấm, năm ấm, vì sao lại nói là tuệ?

Đáp: Mặc dù đạo này là tánh của bốn ấm, năm ấm, nhưng vì nghiêng nhiều về tuệ, nên gọi là đạo tuệ. Như kiến đạo là tánh của năm ấm, do nghiêng nhiều về kiến, nên gọi là kiến đạo. Trí biên v.v... là tánh của năm ấm, bốn ấm, vì nghiêng nhiều về trí nên gọi là trí. Định Kim cương dụ là tánh của năm ấm, bốn ấm, do nghiêng nhiều về định nên gọi là định. Bốn đạo cũng giống như thế, là tánh của năm ấm, bốn ấm, do nghiêng nhiều về tuệ, nên gọi là đạo tuệ.

Thế nào là đạo tuệ khổ chậm? Như kinh nói: Tỳ-kheo chán ghét năm thủ ấm. Đó gọi là đạo tuệ khổ chậm.

Hỏi: Đạo này duyên với bốn đế, vì sao Đức Thế tôn chỉ nói duyên với khổ đế?

Đáp: Lẽ ra phải nói duyên với bốn đế, mà không nói, nên biết thuyết này nói chưa trọn vẹn.

Lại nữa, thuyết này là mới nhập pháp vì duyên với khổ đế, nên biết cũng nói là duyên với đế khác.

Lại nữa, kinh Phật nói phương tiện của bốn đạo, không nói Thế của bốn đạo. Trong đạo phương tiện của bốn đạo nói: Chán ghét pháp tập quán như thế. Trong Kinh lại nói: Thế nào là đạo tuệ khổ chậm? Đáp: Chẳng phải là năm căn tánh chậm lụt thuộc về thiền căn bản.

Thế nào là đạo tuệ khổ nhanh?

Đáp: Không phải là năm căn cơ nhạy bén thuộc về thiền căn bản.

Thế nào là đạo tuệ vui chậm?

Đáp: Năm căn tánh chậm lụt thuộc về thiền căn bản.

Thế nào là đạo tuệ vui nhanh?

Đáp: Năm căn cơ nhạy bén thuộc về thiền căn bản.

Hỏi: Đạo này là tánh của năm ấm, bốn ấm, vì sao chỉ nói là căn?

Đáp: Vì ở đây nói tối thắng là tánh của năm căn, là phương tiện khéo léo, có thể thành tựu việc lớn.

Hỏi: Có căn cơ bậc trung hay không? Nếu có vì sao trong đây không nói? Nếu không thì Kinh Phật nói, làm sao hiểu được? Như nói: Các chúng sinh tùy đời mà sinh, theo đời mà lớn. Có người căn tánh phẩm hạ, có kẻ căn tánh phẩm trung, có người căn tánh phẩm thượng. Người căn tánh phẩm thượng, phiền não mỏng nhỏ, dễ dàng giáo hóa. Nếu không nghe pháp thì lụi mất căn thiện?

Đáp: Nên nói rằng: Không có người căn cơ bậc trung. Vì sao? Vì kiến đạo có hai hạng:

1. Đạo Kiên tín.
2. Đạo Kiên pháp.

Trong tu đạo cũng có hai hạng:

1. Đạo Tín giải thoát.
2. Đạo Kiến đạo.

Trong đạo Vô học cũng có hai hạng:

1. Đạo Thời giải thoát.
2. Đạo Bất Thời giải thoát.

Do không có đạo thứ ba, nên không có căn cơ bậc trung.

Hỏi: Nếu vậy thì kinh Phật nói làm sao hiểu được?

Đáp: Người được Phật hóa độ, thấy Thánh Đấng, có người ở đầu, có người ở giữa, có người ở sau. Người ở đầu được gọi là căn cơ nhạy bén, người ở giữa gọi là căn cơ bậc trung, người ở sau gọi là căn cơ bậc hạ.

Lại nữa, người được Phật hóa độ, thấy Thánh đấng có gần, có xa, hoặc có người không gần, không xa. Người gần là căn cơ nhạy bén, như Kiều-trần-như v.v... Người xa là căn tánh chậm lụt, như Tu-bạt-đà-la v.v... Không gần, không xa là căn cơ bậc trung, như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v...

Lại có người nói: Có căn cơ bậc trung!

Hỏi: Vì sao căn cơ bậc trung này không thấy nói?

Đáp: Vì đã nói căn đầu tiên, cho nên nếu khi nói căn cơ bậc dưới, thì căn cơ bậc trung sẽ trở thành căn cơ bậc thượng! Còn nếu đầu tiên nói căn cơ bậc thượng, thì căn cơ bậc trung ở trong căn cơ bậc hạ! Vì thế,

nên Tôn giả Cù-sa nói rằng: Căn cơ bậc trung là căn cơ ở chỗ nào?

Đáp: Ở trung hạ. Vì sao? Vì ở giữa hạ thượng gọi là trung.

Lại nữa, ở trung thượng. Vì sao? Vì người ở giữa thượng, hạ gọi là trung.

Lại nữa, đều ở hai trung.

**Lời bình:** Nói như thế là tốt. Vì sao? Vì Đức Phật cũng là người Kiên pháp. Bích-chi Phật cũng là người Kiên pháp. Thanh văn được pháp Ba-la-mật cũng là người Kiên pháp. Các căn kia có ngang bằng chăng? Vì đối với một đạo có ba thứ căn, nên Kinh nói là không có đạo thứ ba!

Người A-tỳ-đàm thì nói: Không có căn cơ bậc trung. Cho nên, cả hai thuyết đều khéo hiểu.

Kinh Tập Pháp lại nói: Tu hành đạo tuệ khổ chậm rộng khắp, thì được đầy đủ đạo tuệ khổ nhanh. Tu hành rộng khắp đạo tuệ vui chậm thì được đầy đủ đạo tuệ vui nhanh.

Hỏi: Kinh này nói đầy đủ là sao? Là nói đến căn cơ đầy đủ, hay nói sự lìa dục đầy đủ? Nếu nói căn cơ đầy đủ thì đạo tuệ khổ chậm sẽ được đầy đủ hai đạo tuệ nhanh, đạo tuệ vui chậm cũng sẽ được đầy đủ hai đạo tuệ nhanh. Nếu đầy đủ sự lìa dục, thì đạo chậm sẽ đầy đủ đạo chậm, đạo nhanh sẽ đầy đủ đạo nhanh!

Đáp: Nên nói là căn cơ đầy đủ. Vì sao? Vì Kinh Tập Pháp kia nói pháp tương tự đầy đủ, không nói pháp chẳng tương tự đầy đủ. Đạo khổ tương tự với đạo khổ, đạo vui tương tự với đạo vui.

Hỏi: Ai thành tựu bao nhiêu đạo?

Đáp: Hoặc một, hoặc hai.

Ai là một?

Đáp: Người căn cơ chậm lụt, chưa lìa dục cõi Dục, thành tựu một đạo khổ chậm. Đã lìa dục cõi Dục thì thành tựu hai, đó là đạo vui chậm. Người căn cơ nhạy bén: Chưa lìa dục cõi Dục, thành tựu một Đạo Khổ Nhanh. Đã lìa dục cõi Dục thì thành tựu hai, đó là đạo vui chậm. Căn tánh lạnh lợi chưa lìa dục cõi Dục, thành tựu một đạo khổ nhanh, đã lìa dục cõi Dục thành tựu hai, đó gọi là đạo vui nhanh.

Tôn giả Tăng-già-bà-tu nói: Có người thành tựu cả bốn đạo, như dựa vào thiền căn bản, khi chuyển căn, trụ đạo vô ngại, không bỏ hai đạo của căn cơ chậm lụt, đã được hai đạo của căn cơ nhạy bén. Không nên nói như thế. Vì sao? Vì nếu nói như thế, sẽ hủy hoại căn, hủy hoại người. Hủy hoại căn vừa là căn tánh chậm lụt, vừa là căn cơ nhạy bén. Hủy hoại người hư hỏng, cũng là Tín giải thoát, cũng là Kiến đạo.

Hỏi: Ai dùng bao nhiêu đạo này để có thể có chỗ tạo tác?

Đáp: Có người dùng một, hai, ba, bốn đạo mà không cùng lúc. Người căn cơ chậm lụt, khi lia đục cõi Dục, dùng đạo tuệ khổ chậm mà có chỗ tạo tác. Tức người này dựa vào thiền căn bản, khi lia đục của thiền, dùng đạo vui chậm mà có sự tạo tác. Người Tín giải thoát dựa vào thiền căn bản, chuyển căn, tạo ra Kiến đạo. Lại dựa vào thiền căn bản, lia đục của thiền, dùng đạo tuệ vui nhanh mà có sự tạo tác.

Lại dựa vào định Vô sắc, lia đục của định Vô sắc, dùng đạo khổ nhanh mà có sự tạo tác.

Lại có người dùng bốn đạo mà có sự tạo tác: Là người căn cơ chậm lụt, lia đục cõi Dục, cho đến khi lia đục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, dùng đạo khổ chậm, đạo vui chậm mà có sự tạo tác. Đối với sự lia đục kia mà lui sụt, từ Tín giải thoát, chuyển căn, tạo nên Kiến đạo. Lại, khi lia đục cõi Dục, cho đến khi lia đục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ đều dùng hai đạo nhanh mà có sự tạo tác.

Hỏi: Ai sẽ được bao nhiêu đạo này? Ai sẽ bỏ bao nhiêu đạo này?

Đáp: Hoặc có người không nên được, không nên bỏ, như tất cả người phàm phu.

Hỏi: Trong đây, không nên hỏi đáp về người phàm phu?

Đáp: Bậc Thánh cũng có người không nên được, không nên xả, như bậc Thánh trụ bản tánh. Nếu khi bậc Thánh tinh tiến vượt hơn, thì mới có người nên được, nên xả. Khi chưa lia đục cõi Dục, được chánh quyết định, thì khổ pháp nhãn, cho đến đạo pháp trí, không có chỗ xả, sẽ được một đạo tử nhãn, sẽ bỏ một, được một. Đã lia đục cõi Dục, dựa vào thiền Vị chí, lúc được chánh quyết định, thì khổ pháp nhãn, cho đến Đạo pháp trí không có chỗ xả, sẽ được một đạo tử nhãn, nên bỏ một, sẽ được hai. Nếu dựa vào địa trên, khi được chánh quyết định, tất nhiên từ khổ pháp nhãn cho đến đạo pháp trí đều không có chỗ xả, sẽ được hai đạo tử nhãn, nên bỏ hai, được hai. Khi Tu-đà-hoàn hưởng về quả Tư-đà-hàm, thì đạo phương tiện, năm đạo vô ngại, năm đạo giải thoát đều không có chỗ xả, sẽ được một đạo vô ngại thứ sáu, nên bỏ một, sẽ được một. Tư-đà-hàm khi hưởng về quả A-na-hàm, thì đạo phương tiện hai, đạo vô ngại hai, đạo giải thoát không có chỗ xả, sẽ được một đạo vô ngại thứ chín, nên xả một, được hai. Lia đục của Sơ thiền, cho đến lia đục của Vô sở hữu xứ, thì đạo phương tiện, đạo vô ngại, đạo giải thoát, sẽ không có chỗ xả, nên được hai. Khi lia đục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thì đạo phương tiện, tám Đạo vô ngại, tám Đạo giải thoát không có chỗ xả, sẽ được hai đạo vô ngại thứ chín, nên xả hai, được hai.

Là nói về pháp lia dục, lúc chuyển căn, chưa lia dục cõi Dục, Tín giải thoát chuyển căn tạo ra Kiến đáo, đạo phương tiện không có chỗ xả, sẽ được một đạo vô ngại, nên bỏ một, được một.

Đã lia dục cõi Dục, khi Tín giải thoát chuyển căn, tạo ra Kiến đáo, thì đạo phương tiện sẽ không có chỗ xả, sẽ được hai Đạo vô ngại, nên bỏ hai, được hai. A-la-hán Thời giải thoát, khi chuyển căn, tạo bất động, thì đạo phương tiện, tám đạo vô ngại, tám đạo giải thoát không có chỗ xả, sẽ được hai Đạo vô ngại thứ chín, nên bỏ hai, được hai. bậc Thánh chưa lia dục cõi Dục, khi khởi Vô lượng, một giải thoát đầu tiên, bốn thắng xứ ban đầu, niệm bất tịnh, An na ba na, niệm xứ thì không có chỗ xả, sẽ được một. bậc Thánh đã lia dục cõi Dục, khi khởi Vô lượng giải thoát, thắng xứ, Nhất thiết xứ, bất tịnh, niệm An-na-ba-na, niệm xứ, tu huân tập thiền khởi thông, thì năm đạo vô ngại, ba đạo giải thoát, khởi nguyện trí vô tránh, vô ngại bát đa, đều cùng đặt để không, vô nguyện, vô tướng, tam-muội Không, vô nguyện, vô tướng khi tướng vi tế của định Diệt không có chỗ xả, sẽ được hai, là nói lúc thắng tiến, lúc lui sụt, nghĩa là A-la-hán khởi lui sụt kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc nên bỏ hai, được hai. Lúc khởi sự lui sụt kiết cõi Dục, là sẽ bỏ hai, được một. Khi lia kiết cõi Sắc, A-na-hàm khởi lui sụt kiết cõi Sắc nên bỏ hai, không có sở đắc, tức khi A-na-hàm này khởi lui sụt Kiết cõi Dục, nên bỏ hai, được một, lúc lui sụt quả Tư-đà-hàm, là bỏ một, được một.

Như nói có bốn hạng người:

1. Hiện pháp chậm, thân hư hoại nhanh.
2. Hiện pháp nhanh, thân hư hoại chậm.
3. Hiện pháp chậm, thân hư hoại chậm.
4. Hiện pháp nhanh, thân hư hoại nhanh.

Hỏi: Như nói: Có hiện pháp chậm, thân hư hoại cũng chậm. Có hiện pháp nhanh, thân hư hoại cũng nhanh, việc này có thể như thế. Nhưng nếu nói hiện pháp chậm, thân hư hoại nhanh thì việc này không đúng. Vì sao? Vì khi, bậc Thánh qua đời không lùi bước, không chuyển căn, không sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc, hướng chi là có hiện pháp nhanh, thân hư hoại chậm?

Đáp: Ở đây không nói về sự lui sụt, cũng không nói về chuyển căn, chỉ nói về siêng năng, không siêng năng. Nghĩa là nếu hiện thân siêng năng, thân hư hoại không siêng năng, là nói hiện thân nhanh, thân hư hoại chậm. Nếu hiện thân không siêng năng, thân hư hoại siêng năng, thì đó là nói hiện thân chậm, thân hư hoại nhanh. Nếu hiện thân không siêng năng, thân hư hoại cũng không siêng năng, thì đây là nói

hiện thân chậm, thân hư hoại cũng chậm. Nếu hiện thân siêng năng, thân hư hoại cũng siêng năng, thì đây là nói hiện thân nhanh, thân hư hoại cũng nhanh.

Kinh nói: Có bốn thứ đạo:

1. Đạo không chịu đựng.
2. Đạo chịu đựng.
3. Đạo điều phục.
4. Đạo vắng lặng.

Đạo không chịu đựng: là không chịu đựng lạnh, nóng, đói khát, các loài trùng, muỗi, mòng cắn v.v... lời lẽ phi lý, lời nói xấu ác của người khác, thân sinh các thứ đau khổ, không thể chịu đựng những khổ như vậy! Đó gọi là đạo không chịu đựng.

Đạo chịu đựng: là có thể chịu đựng các khổ như lạnh nóng v.v... Đó gọi là đạo chịu đựng.

Đạo điều phục: là có thể gìn giữ các căn. Đó gọi là đạo điều phục.

Đạo vắng lặng, nghĩa là Thánh đạo vô lậu gọi là đạo vắng lặng.

Hỏi: Bốn đạo trước gồm nhiếp bốn đạo sau, hay là bốn đạo sau gồm nhiếp bốn đạo trước?

Đáp: Sau gồm nhiếp trước, chẳng phải trước gồm nhiếp sau!

Hỏi: Không gồm nhiếp những gì?

Đáp: Không gồm nhiếp ba đạo sau. Đó là đạo không chịu đựng, đạo chịu đựng, đạo điều phục.

Kinh nói: Có bốn thứ dứt:

1. Dứt tuệ khổ chậm.
2. Dứt tuệ khổ nhanh.
3. Dứt tuệ vui chậm.
4. Dứt tuệ vui nhanh.

Nếu dứt là khổ, là chậm thì dứt này do khổ do chậm, nên là phẩm hạ.

Nếu dứt là khổ, là nhanh thì dứt này vì khổ, nên là phẩm hạ.

Nếu dứt là chậm, là vui, thì dứt này vì chậm, nên là phẩm hạ.

Nếu dứt là vui, là nhanh thì dứt này không thể đem lại lợi ích cho nhiều người, cũng không rộng khắp cõi người, cõi trời nên là phẩm hạ. tất cả dứt của Đức Thế tôn, có thể đem lại lợi ích cho rất nhiều người, vì rộng khắp cõi người, cõi trời, nên là dứt trên hết.

Hỏi: Vì bốn đạo gồm nhiếp bốn dứt, hay bốn dứt gồm nhiếp bốn đạo?



Đáp: Lăn lượt theo tướng mà gồm nhiếp lẫn nhau. Nếu dứt là khổ, là chậm thì đó là đạo tuệ khổ chậm. Nếu dứt là khổ, là nhanh thì đó là đạo tuệ khổ nhanh. Nếu dứt là vui, là chậm, thì đó là đạo tuệ vui chậm. Nếu dứt là vui, là nhanh thì đó là đạo tuệ vui nhanh.

Hoặc có người nói: Bốn dứt là Vô học. Bốn đạo là Học, Vô học.

Hoặc nói rằng: Bốn dứt là Vô học, bốn đạo là Học, Vô học, nghĩa là bốn đạo thì gồm nhiếp bốn dứt chẳng phải bốn dứt gồm nhiếp bốn đạo.

Không gồm nhiếp những đạo nào? Không gồm nhiếp bốn đạo của học.

Hỏi: Thánh đạo chẳng phải phẩm hạ, như Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp phẩm hạ? Là pháp bất thiện, vô ký ẩn một.

Vì sao nói dứt gọi là hạ?

Đáp: Hạ có hai thứ:

1. Hạ nhiễm ô.
2. Hạ tổn bớt.

Dứt tuy chẳng phải phẩm hạ nhiễm ô mà là phẩm hạ tổn bớt, cho nên gọi là hạ.

Nếu dứt là khổ, là chậm là nói thiền Vị chí, thiền trung gian, ba định Vô sắc, là nói đạo Thời giải thoát.

Nếu dứt là khổ, là nhanh là nói đạo Phi Thời giải thoát của người Thanh văn.

Nếu dứt là vui, là chậm thì đó là nói thiền căn bản, đạo Thời giải thoát.

Nếu dứt là vui là nhanh, không làm lợi ích cho nhiều người, không rộng khắp đến người, trời thì đó là nói người Thanh văn của thiền căn bản là đạo phi Thời giải thoát.

Nếu dứt là vui, là nhanh, có thể đem lại lợi ích cho nhiều người, rộng khắp cõi người, cõi trời là nói đạo Phật. Trong đây phần khác là đạo của Bích-chi Phật, là ở phần nào?

Hoặc có người nói: Là phần của Thanh văn.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Là phần của Phật. Vì sao? Vì Phật, Độc giác, không có thầy, Bích-chi Phật cũng vậy!

Lại có người nói: Ba dứt như trước. Nếu dứt là vui, là nhanh, không thể làm lợi ích cho nhiều người, không rộng khắp đến người, trời là nói đạo của Bích-chi Phật. Nếu dứt là vui, là nhanh, có thể đem lại lợi ích cho nhiều người, rộng khắp cả người, trời, thì đó là nói đạo Phật.

Trong đây phần khác là cho người Thanh văn của thiền căn bản,

là đạo phi Thời giải thoát. Là ở phần nào?

Hoặc có người nói: Là phần của Bích-chi Phật.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Là phần của Phật. Vì sao? Vì căn ấy từ bên Phật sinh ra.

Lại có người nói: Ba đạo là pháp của ngoại đạo. Nếu dứt là vui, là nhanh, không thể đem lại lợi ích cho nhiều người, không rộng khắp cõi người, cõi trời thì đó là nói đạo của Bích-chi Phật. Nếu dứt là vui, là nhanh, có thể đem lợi ích cho nhiều người, rộng khắp cõi người, cõi trời, là nói đạo của Phật.

Phần khác ở đây là đạo Thanh văn, ở phần nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Ở phần của Bích-chi Phật.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Ở phần của Phật. Vì sao? Vì căn ấy được sinh từ bên Phật.

Lại có người nói: Ba đạo trước là pháp của ngoại đạo. Nếu dứt là vui, là nhanh, không thể đem lại lợi ích cho nhiều người, không rộng khắp cõi người, cõi trời, là nói đạo Thanh văn. Nếu dứt là vui, là nhanh, có khả năng đem lợi ích cho nhiều người, rộng khắp cõi người, cõi trời là nói đạo của Phật.

Phần khác trong đây là nói đạo của Bích-chi Phật, ở phần nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Ở phần Thanh văn.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Ở phần của Phật. Vì sao? Vì như Phật là không có thầy, Bích-chi Phật cũng vậy!

Hỏi: Trong bốn đạo này, Đức Thế tôn dựa vào đạo nào nhập chánh quyết định, được quả lìa dục, hết lậu? Bích-chi Phật dựa vào đạo nào mà được Ba-la-mật? Người Thanh văn dựa vào đạo nào?

Đáp: Đức Thế tôn đã dựa vào đạo vui nhanh, nhập chánh quyết định, được quả lìa dục, dứt hết lậu. Vì sao biết được?

Kinh nói: Ma-lặc-ca-tử đến chỗ Phật, hỏi rằng: Bạch Đức Thế tôn! Ngài do đạo nào trong bốn đạo này mà được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?

Phật đáp Ma-lặc-ca-tử: Như lai dựa vào đạo tuệ vui nhanh nên được đạo quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng.

Bấy giờ, Ma-lặc-ca-tử bèn nêu lên hai lời vấn nạn: Là đạo vui làm sao thực hành các thứ hạnh khổ? Nói là đạo nhanh vì sao phải trải qua sáu năm?

Phật bảo Ma-lặc-ca-tử: ông là Người ngu! Ta không do hành trì oai nghi như thế để được đạo quả Chánh đẳng chánh giác vô thượng.

Vì việc này, nên biết Đức Như lai dùng đạo tuệ vui nhanh đạt được

đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như thú Khát-già chỉ có một sừng Bích-chi Phật, nên biết như Phật, Thế tôn vì đa số người mà xuất thế, đó là không nhất định. Tôn giả Xá-lợi-phất dựa vào đạo tuệ khổ nhanh, nhập chánh quyết định, dựa vào đạo tuệ vui nhanh được dứt hết lậu. Vì sao? Vì dựa vào thiền Vị chí nhập chánh quyết định, vì dựa vào đệ Tứ thiền, dứt hết lậu.

Tôn giả Mục-kiền-liên dựa vào đạo tuệ khổ nhanh, nhập chánh quyết định, cho đến dứt hết lậu. Vì sao? Vì dựa vào thiền Vị chí, nhập chánh quyết định, vì dựa vào định Vô sắc dứt hết lậu.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Xá-lợi-phất dựa vào đệ Tứ thiền còn Tôn giả Mục-kiền-liên lại dựa vào định Vô sắc, được quả A-la-hán?

Đáp: Vì Tôn giả Xá-lợi-phất thường thực hành tuệ, nên dựa vào đệ Tứ thiền, Tôn giả Mục-kiền-liên thường thực hành định, nên dựa vào định Vô sắc!

Hỏi: Người Thanh văn được Ba-la-mật, có phải đều theo thứ lớp được bốn quả Sa-môn hay không?

Đáp: Điều theo thứ lớp được. Vì sao? Vì Tôn giả Mục-kiền-liên có thể giải thích khéo léo về xuất, nhập, trụ đạo quả Sa-môn.

Hỏi: Khéo có thể giải thích về sự xuất, nhập, trụ đạo quả Sa-môn, không có ngang bằng với Như lai, vì sao không theo thứ lớp để được bốn quả Sa-môn?

Đáp: Không nên hỏi thế Như lai như. Vì sao? Vì khi xưa còn làm Bồ-tát, Như lai đã giải thích một cách tự tại về bốn quả Sa-môn, vượt hơn Tôn giả Xá-lợi-phất lúc được tận trí.

Lại có người nói: Người Thanh văn được Ba-la-mật, không theo thứ lớp được bốn quả Sa-môn. Vì sao? Vì nếu có người trước lia dục, thì phải lui sụt, sau đó mới được quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Nếu vậy làm sao có thể khéo giải thích bốn quả Sa-môn được?

Đáp: Điều này cũng không có lỗi. Do Tôn giả A-nan là người căn cơ chậm lụt, trụ ở địa Hữu học, khéo giải thích về bốn quả Sa-môn, hướng chỉ là người căn cơ nhạy bén, ở địa Vô học?

**Lời bình:** Nên nói rằng: Người Thanh văn được Ba-la-mật, đều theo thứ lớp để được bốn quả Sa-môn, không do khéo nói về bốn quả Sa-môn. Như người Thanh văn nhiều như số cát sông Hằng, được pháp Ba-la-mật, đều thuận theo thứ lớp nhập chánh quyết định, thứ lớp được pháp của bốn quả Sa-môn, phải nên như thế.

A-la-hán dứt hết lậu, phạm hạnh đã lập, trong mười thứ đạo Vô

học, có bao nhiêu thứ thành tựu ở quá khứ? Bao nhiêu thứ thành tựu ở vị lai? Bao nhiêu thứ thành tựu ở hiện tại?

Đáp: Nếu dựa vào tam-muội có giác, có quán thì tam-muội có giác có quán là thiên Vị chí, Sơ thiên.

Sự nương dựa như trước đã nói. Về ban đầu có hai hạng:

1. Hạng được quả A-la-hán đầu tiên.

2. Thời giải thoát chuyển căn, tạo ra bất động ban đầu.

Trong đây, do hai hạng ban đầu mà soạn luận. Nên tùy tướng mà nói, trí Vô học ban đầu hiện ở trước như đã nói. Hai thời gian, sát-na đầu tiên không có quá khứ. Vì sao? Vì chưa có sát-na sinh diệt. Đã có: là do được quả, chuyển căn, nên xả. Mười thành tựu vị lai là người tu vị lai. Chín thành tựu hiện tại là hiện ở trước, trừ chánh kiến. Vì sao? Vì trong sát-na kia không có, nên nếu diệt rồi thì không xả. Diệt, là vô thường diệt. Không xả nghĩa là xả Thánh đạo có ba thứ, như trước đã nói.

A-la-hán kia không được quả, không lùi lại, không chuyển căn, dựa vào địa Vô học, lại khởi Thánh đạo hiện ở trước. Sở dĩ lại khởi Thánh đạo hiện ở trước, như trước đã nói. Trong khoảng sát-na thứ hai, chín thành tựu quá khứ là sự sanh tử diệt của sát-na trước. Mười thành tựu vị lai, là người tu vị lai. Chín thành tựu hiện tại thì hiện ở trước, nghĩa là sự thành tựu kia diệt rồi không xả. Dựa vào tam-muội Không giác không quán, trí Vô học hiện ở trước. Chín thành tựu quá khứ, là địa sinh diệt có giác, có quán. Mười thành tựu vị lai là người tu vị lai. Tám thành tựu hiện tại thì hiện ở trước, trừ chánh giác. Vì không có trong địa Vô học kia, nên trừ chánh kiến. Vì trong sát-na kia không có, nên sát-na ấy đã diệt rồi không xả. Dựa vào định Vô sắc, trí Vô học hiện ở trước, chín thành tựu quá khứ là địa sinh diệt có giác, có quán, mười thành tựu vị lai là sự tu vị lai, năm thành tựu hiện tại thì hiện ở trước, trừ chánh kiến. Vì trong sát-na kia không có, nên trừ chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vì trong địa Vô học không có, nên địa kia diệt rồi không xả. Nếu nhập định Diệt, hoặc khởi tâm thế tục thì chín thành tựu quá khứ, là sự sanh tử diệt của địa có giác, có quán. Mười thành tựu vị lai là sự tu vị lai, hiện tại không có. Người nhập định Diệt, không tâm, có tâm: là tâm có khả năng tu đạo thế tục, là pháp Vô học hữu lậu, là vô lậu, địa kia diệt rồi không xả. Dựa vào tam-muội có giác, có quán, Vô học đầu tiên thấy hiện ở trước. Chín thành tựu quá khứ đều có sinh diệt với trí. Mười thành tựu vị lai là tu vị lai. Chín thành tựu hiện tại là hiện ở trước, trừ chánh trí. Vì trong sát-na kia không có trí, nên thành tựu kia diệt rồi không xả. Dựa vào tam-muội có giác, có quán,

hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước. Mười thành tựu quá khứ là sự sanh tử diệt đều có với trí, với kiến. Mười thành tựu vị lai là sự tu vị lai. Chín thành tựu hiện tại thì hiện ở trước. Nghĩa là nếu trí hiện ở trước thì trong sát-na kia sẽ không có kiến. Nếu kiến hiện ở trước thì trong sát-na kia sẽ không có trí, nên diệt rồi, không xả. Dựa vào tam-muội Không giác, không quán, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước. Mười thành tựu quá khứ là địa sinh diệt có giác, có quán. Mười thành tựu vị lai là tu vị lai. Tám thành tựu hiện tại hiện ở trước: là nếu trí hiện ở trước thì trong sát-na kia sẽ không có kiến. Nếu kiến hiện ở trước thì trong sát-na kia sẽ không có trí, trừ chánh giác. Vì trong địa Vô học kia không có, nên địa kia diệt rồi thì không xả. Dựa vào định Vô sắc, cõi Vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước. Mười thành tựu quá khứ là địa sinh diệt có giác, có quán. Mười thành tựu vị lai là sự tu vị lai. Năm thành tựu hiện tại thì hiện ở trước. Nghĩa là nếu trí hiện ở trước thì trong sát-na kia sẽ không có kiến. Nếu kiến hiện ở trước thì trong sát-na kia sẽ không có trí, trừ chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vì trong địa kia không có, nên địa diệt rồi không xả. Nếu nhập định Diệt, hoặc khởi tâm thế tục hiện ở trước. Mười thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, hiện tại không có, đều như trước đã nói. Nếu dựa vào tam-muội Không giác, không quán, thì trí ban đầu của Vô học sẽ hiện ở trước. tam-muội Không giác, không quán là đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiền.

Hỏi: Vì sao không nói thiền trung gian?

Đáp: Như trước đã nói: Nương dựa, nghĩa như trước đã nói. Ban đầu nghĩa như trước đã nói. Sơ Chánh trí Vô học ban đầu hiện ở trước. Quá khứ không có, như trước đã nói. Mười thành tựu vị lai, như trước đã nói. Tám thành tựu hiện tại, trừ chánh kiến, vì trong sát-na kia không có, trừ chánh giác, vì địa Vô học không có, nên địa Vô học kia diệt rồi không xả, như trước đã nói.

Lại dựa vào tam-muội Không giác, không quán, chánh trí Vô học hiện ở trước. Tám thành tựu quá khứ là sát-na trước đều có sự sanh tử diệt. Mười thành tựu vị lai, như trước đã nói. Tám thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Thành tựu kia diệt rồi không xả. Dựa vào định Vô sắc, chánh trí Vô học hiện ở trước: Tám thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, năm thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Thành tựu kia diệt rồi không xả. Nếu nhập định Diệt, hoặc khởi tâm thế tục hiện ở trước. Tám thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, hiện tại không có, như trước đã nói. Thành tựu kia diệt rồi thì không xả. Dựa vào tam-muội có giác, có quán, chánh trí Vô học hiện ở trước: Tám thành tựu quá khứ, mười

thành tựu vị lai, như trước đã nói. Chín thành tựu hiện tại, trừ chánh kiến, vì trong sát-na kia không có nên thành tựu kia diệt rồi không xả.

Dựa vào tam-muội Không giác, không quán, kiến đầu tiên của Vô học hiện ở trước. Tám thành tựu quá khứ cùng có sự sanh diệt với trí, mười thành tựu vị lai, như trước đã nói. Tám thành tựu hiện tại, trừ chánh trí, vì trong sát-na kia không có, trừ chánh giác, như trước đã nói, nên thành tựu kia diệt rồi không xả.

Lại dựa vào tam-muội Không giác, không quán, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước: Chín thành tựu quá khứ đi chung sự sanh tử diệt với Trí, với kiến, mười thành tựu vị lai, tám thành tựu hiện tại, như trước đã nói, nên thành tựu kia diệt rồi không xả. Dựa vào định Vô sắc, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước: Chín thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, năm thành tựu hiện tại, như trước đã nói, nên thành tựu kia diệt xong không xả. Nếu nhập định Diệt, hoặc khởi tâm thế tục hiện ở trước: Chín thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, hiện tại không có, như trước đã nói. Tâm thế tục kia diệt rồi không xả. Dựa vào tam- muội có giác, có quán, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước: Chín thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, chín thành tựu hiện tại, như trước đã nói.

Nếu dựa vào định Vô sắc, trí Vô học đầu tiên hiện ở trước. Định Vô sắc là Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ Nương dựa như trước đã nói. Ban đầu: Như trước đã nói.

Trí Vô học đầu tiên hiện ở trước: Quá khứ không có, mười thành tựu vị lai, năm thành tựu hiện tại, như trước đã nói, nên sự thành tựu kia diệt rồi không xả.

Lại dựa vào định Vô sắc, chánh trí Vô học hiện ở trước: Năm thành tựu quá khứ, sát-na trước đều sinh diệt, mười thành tựu vị lai, năm thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Thành tựu kia diệt rồi không xả.

Nếu nhập định Diệt, hoặc khởi tâm thế tục hiện ở trước: Năm thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, hiện tại không có, như trước đã nói. Tâm thế tục kia diệt rồi không xả.

Dựa vào tam-muội có giác, có quán, chánh trí Vô học hiện ở trước: Năm thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, chín thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Sự thành tựu kia diệt rồi không xả.

Dựa vào tam-muội Không giác, không quán, chánh trí Vô học hiện ở trước, có năm thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, tám thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Sự thành tựu kia diệt rồi không xả.

Dựa vào định Vô sắc, kiến Vô học đầu tiên hiện ở trước, có năm

thành tựu quá khứ, cùng với trí đều là sinh diệt, mười thành tựu vị lai, như trước đã nói, năm thành tựu hiện tại, trừ chánh trí, vì trong sát-na đầu tiên kia không có, trừ chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vì trong địa Vô học không có, nên sự thành tựu kia diệt rồi không xả.

Lại nương dựa định Vô sắc, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước, có sáu thành tựu quá khứ, đi chung sự sanh tử diệt với trí, với kiến, mười thành tựu vị lai, năm thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Sự thành tựu đó diệt rồi không xả.

Nếu nhập định Diệt, hoặc khởi tâm thế tục hiện ở trước, có sáu thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, hiện tại không có, như trước đã nói. Sự thành tựu kia diệt rồi không xả.

Dựa vào tam-muội có giác, có quán, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước, sẽ có sáu thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, chín thành tựu hiện tại, như trước đã nói. Sự thành tựu kia đã diệt rồi không xả.

Dựa vào tam-muội Không giác, không quán, hoặc trí, hoặc kiến Vô học hiện ở trước, đã có sáu thành tựu quá khứ, mười thành tựu vị lai, tám thành tựu hiện tại, như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao với các quả Sa-môn khác, kiến là đạo vô ngại, kiến là đạo giải thoát, còn quả A-la-hán thì kiến là đạo vô ngại, trí là đạo giải thoát?

Đáp: Lúc được quả A-la-hán là đã dứt tất cả chỗ tạo tác, không còn cần đến phương tiện nữa!

Hỏi: Người Hữu học có chánh trí, chánh giải thoát không? Nếu có vì sao trong đây không nói? Nếu không có thì Kinh Phật nói làm sao hiểu được? Như nói: Cư sĩ đừng sợ! Phạm phu ngu tiểu, vì đã thành tựu trí tà, giải thoát tà nên rất sợ sẽ đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ! Ông đã dứt trí tà, giải thoát tà, thành tựu chánh trí, chánh giải thoát!

Đáp: Nên nói rằng: Có chánh trí, chánh giải thoát.

Hỏi: Vì sao trong đây không nói?

Đáp: Pháp hoặc có thứ chỉ là pháp thể, hoặc có thứ là pháp thể, cũng là thể của chi. Người Hữu học chỉ có pháp thể, không có thể của chi.

Hỏi: Vì sao chánh trí, chánh giải thoát Vô học thì lập chi, còn người Hữu học thì không lập chi?

Đáp: Vì danh nghĩa vượt hơn. Nếu nói theo pháp thì pháp Vô học vượt hơn pháp Hữu học. Nếu nói theo người thì người Vô học sẽ vượt



hơn người Hữu học.

Lại nữa, chánh trí, chánh giải thoát Vô học thường vượt hơn, vì không có lỗi lầm.

Lại nữa, do Vô học dứt tất cả căn bản của hữu.

Lại nữa, Vô học được hai thứ tâm giải thoát:

1. Giải thoát của tự tánh.

2. Giải thoát ở thân.

Cho nên, được tạo ra bốn trường hợp:

1. Có khi giải thoát ở tự tánh nơi tâm, chẳng phải giải thoát ở thân.

2. Có khi giải thoát ở thân, chẳng phải giải thoát của tự tánh.

3. Có khi giải thoát của tự tánh, cũng giải thoát ở thân.

4. Có khi chẳng phải giải thoát của tự tánh, chẳng phải giải thoát ở thân.

Giải thoát của tự tánh, chẳng phải giải thoát ở thân là tâm học.

Giải thoát ở thân, chẳng phải giải thoát của tự tánh là tâm hữu lậu Vô học.

Giải thoát của tự tánh, cũng là giải thoát ở thân là tâm Vô học.

Không phải giải thoát của tự tánh, cũng chẳng phải giải thoát ở thân: Là tâm hữu lậu Hữu học, học là tâm của tất cả phàm phu.

Lại nữa, chánh trí, chánh giải thoát Vô học không có chướng ngại, còn tà trí của người Hữu học chướng ngại chánh trí, tà giải thoát chướng ngại chánh giải thoát.

Hỏi: Tà kiến có thể chướng ngại chánh kiến, vì sao chánh kiến của học lại lập chi?

Đáp: Vì chánh kiến của người Hữu học khi dứt phiền não, giống như mặc áo giáp, tay cầm gậy, nên lập chi.

Lại nữa, chánh trí, chánh giải thoát của Vô học, vì không có pháp tương đối, nên chánh trí của người Hữu học tương đối với tà trí, chánh giải thoát tương đối với tà giải thoát.

Lại nữa, tâm Vô học thì tất cả giải thoát. Tâm Hữu học là phần ít giải thoát, phần ít không giải thoát.

Phần ít giải thoát: Là phiền não, chỗ dứt của kiến đạo.

Phần ít không giải thoát: Là phiền não, do tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu giải thoát tất cả chướng ngại của tâm thì tất cả chỗ chướng ngại sẽ được giải thoát, nghĩa là sẽ lập chi. Tất cả chướng ngại: Là năm thứ dứt phiền não. Tất cả chỗ chướng ngại là cảnh giới của năm thứ dứt phiền não. Người Hữu học thì không như vậy! Công đức Vô học



khác, nói rộng như trong Kiên-độ Tập.

Hỏi: Nếu như đã nói về người Hữu học thì có tà trí, tà giải thoát, làm sao hiểu được Kinh Phật? Như nói: Cư sĩ đừng sợ! Kẻ tiểu ngu phạm phu, vì đã tạo thành tà trí, tà giải thoát, nên họ sợ sẽ phải đọa vào đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ! Ông đã dứt tà trí, tà giải thoát, đã thành tựu chánh trí, chánh giải thoát?

Đáp: Kinh nói: Không rơi vào đường ác! Vì tà trí, tà giải thoát, với người Hữu học cũng có tà trí, tà giải thoát khác.

Kinh Phật nói: A-nan nên biết! Xá-lợi-phất là Tỳ-kheo thông minh. đã vì Trưởng giả Tu Đạt, đối với bốn chi Tu-đà-hoàn hiện có, phân biệt có mười thứ.

Hỏi: Thế nào là Tôn giả Xá-lợi-phất đã phân biệt bốn chi Tu-đà-hoàn thành mười thứ?

Tôn giả Ba-xa nói: Một chi, nói có mười thứ, gần bậc thiện trí thức có mười thứ, cho đến như pháp tu hành có mười thứ.

Tôn giả Phú- Na- Da- Xa nói: Tín là gần thiện trí thức, thường nghe pháp. Chánh kiến là chánh tư duy, các chánh còn lại là như pháp tu hành.

Tôn giả Cù-sa nói: Tín, giới là gần thiện trí thức. Học rộng là nghe pháp. Chánh kiến là chánh tư duy, các pháp còn lại là như pháp tu hành.

Tôn giả Tu Hòa Mật nói: Tín, giới là gần thiện trí thức. Học rộng, trí tuệ, là nghe pháp. Chánh kiến là chánh tư duy, các chánh còn lại là như pháp tu hành.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Tín, giới thì là gần thiện trí thức. Học rộng, trí tuệ là nghe pháp. Chánh kiến là chánh tư duy, các chánh còn lại là như pháp tu hành.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Chi Tu-đà-hoàn tức là chi Tu-đà-hoàn. Tôn giả Xá-lợi-phất đã vì Trưởng giả Tu Đạt phân biệt tín không hư hoại có mười thứ, vì ba việc:

1. Do tự thể.
2. Do chỗ khởi.
3. Do chỗ nương dựa.

Do tự thể: Là Tín, là giới. thế nào là căn bản của tín, giới? Đó là trí vô lậu, căn thiện vô lậu.

Do chỗ khởi: Là vì chánh giác nương dựa chánh giác, nên nuôi lớn giới, văn, thí, tuệ.

Do chỗ nương dựa: Là giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là A-la-hán?

Đáp: A la dịch là phiền não. Hán dịch là giết. Dùng dao trí tuệ giết chết phiền não, gọi là A-la-hán. Lại nữa, vì không còn sanh trong sanh tử của các cõi, các đường nên gọi là A-la-hán. Lại nữa, không sinh ra trong vòng sinh tử của các cõi, các đường, các đời ... nên gọi là A-la-hán. Vì xa lìa pháp ác, bất thiện, nên gọi là A-la-hán. Như kệ nói:

*Xa lìa ác bất thiện  
An trụ trong pháp thiện  
Đáng được đời cúng dường  
Nên gọi là A-la-hán.*

Lại nữa, vì xứng đáng thọ sự cúng dường hơn hết, nên gọi là A-la-hán. Tất cả vật Sa-môn cần dùng, không có Sa-môn nào không xứng đáng thọ.

Vì dứt hết lậu:

Hỏi: Như xứ lậu cũng hết, vì sao chỉ nói dứt hết lậu?

Đáp: Đức Thế tôn trước nói lậu hết, nên biết là Ngài cũng đã nói về xứ lậu.

Lại nữa, nếu pháp là tự tánh dứt thì dứt rồi sẽ không thành tựu, do pháp này trở ngại với đạo Thánh. Thánh đạo không trở ngại với pháp hữu lậu thiện, vô ký không ẩn một, chỉ trở ngại với pháp lậu. Nếu pháp hữu lậu thiện dứt lậu, thì pháp vô ký không ẩn một cũng dứt, vì đồng một đối trị. Như ngọn đèn không trở ngại gì với bình đựng dầu và tim đèn, mà trở ngại với bóng tối. Vì xua tan bóng tối, nên đốt đèn thì tim lụn, dầu cạn, bình đựng nóng!

Lại nữa, do lậu khó dứt, khó trừ, khó vượt qua.

Lại nữa, do lậu là tai họa của lỗi lầm trầm trọng.

Lại nữa, lậu là lậu, là xứ lậu. Ách, bộc lưu, phược, thủ, sử, kiết cũng vậy. Pháp hữu lậu thiện, vô ký không ẩn một thì không như thế!

Thế nào là trí? Thế nào là kiến? Thế nào là tuệ?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có người nói: Nhẫn là trí, như Phái Thí dụ giả nói. Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói rằng: Đầu tiên là mắt tuệ, duyên với cảnh giới là nhẫn, về sau tăng trưởng là trí. Cho nên trí phẩm hạ là nhẫn. Như người đang đi trên đường, trước có ý nghĩ muốn dừng, sau đó mới dừng. Mắt tuệ lúc đầu duyên với cảnh giới là nhẫn, tăng trưởng là trí. Cho nên trí phẩm hạ là nhẫn.

Vì ngăn dứt ý của những người nói như thế, cũng nói nhẫn chẳng phải trí nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận là vì có người nói: Tận trí, trí vô sinh là tánh của kiến.

Vì ngăn dứt ý của những người nói như thế, cũng nói về tận trí, trí vô sinh chẳng phải tánh của kiến nên soạn luận này.

Lại nữa, Kiên-độ này là trí. Ở đây nên phân biệt, thế nào là pháp của tánh trí, tánh kiến và tánh tuệ?

Thế nào là kiến?

Đáp: Nhân căn là chánh kiến thế tục, kiến học, kiến Vô học trong năm kiến.

Hỏi: Vì sao nhân căn được gọi là kiến?

Đáp: Do bốn việc, nên gọi là kiến:

1. Do bậc Hiền Thánh nói.
2. Do người thế tục nói.
3. Do kinh nói.
4. Do hiện thấy ở thế gian.

Do Hiền Thánh, người thế tục nói rằng: Như nói: Ta thấy người này đi, đứng, ngồi, nằm. Nếu thấy người nghiêng ngã, mê lầm, thì nói rằng: Như có kinh tà kiến nói: Phật nói: Nếu mắt thấy sắc, không nên phân biệt là nam, là nữ, sinh ra ái nhiễm.

Lại nói: Nếu mắt thấy sắc đẹp, không sinh ái, thấy xấu không sinh giận dữ!

Lại nói: Nếu thấy sắc vừa ý, sắc không vừa ý, sắc chẳng phải vừa ý, sắc chẳng phải không vừa ý phải quán sát.

Lại nói: Nếu mắt thấy sắc, không nên sinh yêu, giận, mà nên sinh tâm xả.

Lại nói: Nếu thấy sắc, phải chánh quán là pháp bất tịnh, thế gian hiện thấy!

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Đây là lời của người đời, điều ta hiện thấy là sự tịnh, hiện thấy là sự bất tịnh.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Kinh cũng nói, người đời cũng nói: Đối tượng được mắt bắt kịp và điều thức đã trải qua, đó gọi là kiến. Năm kiến gọi là kiến, nghĩa là do bốn việc, nói rộng như trong Kiên-độ Kiến, trong kiến xứ đã nêu. Chánh kiến thế tục gọi là kiến là do tánh kiến. Kiến học, kiến Vô học sở dĩ gọi là kiến, là do tánh kiến. Như ban đêm khi trời có mây thì thấy sắc. Tuệ nhiễm ô thấy pháp cũng vậy! Như ban đêm khi không có mây giăng thì thấy sắc. Tuệ hữu lậu thiện thấy pháp cũng vậy! Như ban ngày, lúc có mây che thì thấy sắc, tuệ học thấy pháp cũng thế! Như ban ngày lúc không có mây che thì thấy sắc, tuệ Vô

học thấy pháp cũng giống như vậy!

Thế nào là trí?

Đáp: Trừ nhãn trong kiến đạo, ngoài ra là tuệ tương ứng với ý thức. Trí kia có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một. Thiện có hai thứ: hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu là chánh kiến thế tục, vô lậu là tám trí của Hữu học, Vô học. Nhiễm ô là năm kiến và ái, giận, mạn, nghi tương ứng với vô minh. Vô ký không ẩn một là oai nghi, công xảo, báo sinh, tâm biến hóa đi chung và tuệ tương ứng với năm thức thân.

Tuệ ấy cũng có ba thứ: Thiện, cấu uế, vô ký không ẩn một. Thiện là thiện sinh đắc. Cấu uế là ái giận đi chung. Vô ký không ẩn một nghĩa là tâm đi chung với báo.

Thế nào là tuệ?

Đáp: Là tuệ tương ứng với ý thức. Tuệ kia cũng có ba thứ: Thiện, cấu uế và vô ký không ẩn một. Thiện có hai thứ: hữu lậu, vô lậu. Hữu lậu là chánh kiến thế tục, vô lậu là tám nhãn, tám trí Học, Vô học trong kiến đạo. Ngoài ra, như trước nói. Tuệ tương ứng với năm thức, như trước đã nói.

Đã nói tự thể của trí. Nay sẽ nói về tướng giống nhau, tướng khác nhau của trí:

Hoặc kiến là trí? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

Là kiến, chẳng phải trí: Kiến của nhãn căn, là các nhãn trong kiến đạo.

Hỏi: Vì sao nhãn căn chẳng phải trí?

Đáp: Vì nhãn căn là sắc, mà trí chẳng phải sắc.

Lại nữa, vì nhãn căn chẳng phải tương ứng, chẳng phải nương dựa, chẳng phải hành, chẳng phải duyên, còn trí là tương ứng, là nương dựa, là hành, là duyên.

Các nhãn trong kiến đạo, vì sao chẳng phải trí?

Đáp: Vì nhãn này chẳng phải đã nhãn. Quán này chẳng biết là quán, chẳng phải đã quán, là tìm kiếm chẳng phải đã đủ, là lập bày phương tiện ngăn dứt.

Lại nữa, nhãn là đối trị nghi. Nghi đó vì được cùng sinh với nhãn này, nên nghĩa quyết định là nghĩa của trí.

Lại nữa, đạo vô ngại, đạo giải thoát tuy cùng tạo tác một việc, nhưng không được cùng sinh trong một sát-na.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì chịu đựng, nên gọi là Nhãn, không thể cho chịu đựng là trí.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Kiến giải của mình gọi là trí, nhãn

chẳng phải kiến giải của mình. Đó gọi là kiến chẳng phải trí.

Trí chẳng phải kiến: Trừ năm kiến và chánh kiến thế tục, các ý thức khác tương ứng với tuệ hữu lậu. Trí đó có hai thứ: Nhiễm ô và vô ký không ẩn một. Nhiễm ô: Vô minh tương ứng với ái, giận, mạn, nghi.

Hỏi: Vì sao tuệ nhiễm ô tương ứng với ái v.v... mà chẳng phải kiến?

Đáp: Đối tượng chuyển vận của kiến bén nhạy. Đối tượng chuyển vận của tuệ kia không bén nhạy.

Lại nữa, kiến thâm nhập ở duyên, tuệ không thâm nhập ở duyên.

Lại nữa, tuệ tương ứng với ái, bị hai kiết che lấp cùng khắp.

Hai kiết: Đó là ái và tương ứng vô minh. Kiết khác cũng giống như thế.

Hỏi: Tuệ tương ứng với vô minh không chung, không bị hai kiết che lấp, vì sao không gọi là kiến?

Đáp: Vô minh không chung che lấp tuệ trầm trọng. Đối với ba kiết, vô ký không ẩn một là oai nghi, công xảo, báo, tâm biến hóa đi chung.

Hỏi: Vì sao vô ký không ẩn một là tuệ, chẳng phải kiến?

Đáp: Vì đối tượng chuyển vận của kiến bén nhạy, đối tượng chuyển vận của tuệ kia không bén nhạy.

Lại nữa, kiến thâm nhập ở duyên, tuệ kia đối với duyên, không thâm nhập.

Lại nữa, kiến có thế lực, còn tuệ kia thì yếu kém.

Hỏi: Báo tuệ yếu kém, có thể như thế! Nhưng oai nghi, công xảo, cũng có thể dụng. Như oai nghi của Đức Thế tôn, công xảo của trời Tỳ- thủ-yết-ma, giống với chỗ tạo tác của nguyên trí hay không?

Đáp: Dù hết sức công xảo, nhưng vẫn bị tà mạng che lấp.

Lại nữa, dù rất khéo léo, nhưng cũng vẫn bị người khác chê bai: Chỗ này là không tốt.

Tuệ tương ứng với năm thức, vì sao chẳng phải kiến?

Đáp: Đối tượng chuyển vận của kiến bén nhạy, thâm nhập ở duyên. Đối tượng chuyển vận của tuệ kia không bén nhạy, đối với duyên không thâm nhập.

Lại nữa, kiến có thể phân biệt, tuệ kia không thể phân biệt.

Lại nữa: Kiến duyên với ba đời và vô vi, tuệ kia chỉ duyên với hiện tại.

Lại nữa, Kiến duyên với tướng chung, tướng riêng, tuệ kia chỉ

duyên với tướng riêng.

Lại nữa, Kiến đối với duyên thường chuyển vận, tuệ kia thì không như thế.

Lại nữa, Kiến trừ tính, lường xét, quán sát về duyên, tuệ kia thì không như thế.

Hỏi: Vì sao tận trí, trí vô sinh chẳng phải kiến?

Đáp: Đối tượng chuyển vận của kiến bén nhạy, đối tượng chuyển vận của Trí kia không bén nhạy.

Lại nữa, khi kiến sinh, có chỗ tạo tác để lập bày. Còn trí kia sinh thì phương tiện thôi dứt, không có chỗ tạo tác, như chim đậu ở chỗ yên ổn.

Lại nữa, kiến hiện ở trước là có chỗ mong cầu, trí kia hiện tiền không có chỗ mong cầu. Cho nên, Tôn giả Cù-sa nói rằng: Vì đối với pháp vượt hơn, không còn có đối tượng mong cầu, nên tận trí, trí vô sinh chẳng phải kiến.

Lại nữa, tất cả tuệ vô lậu có hai thứ: Hoặc đối trị với tà kiến, hoặc đối trị với vô trí.

Lại có người nói: Pháp vô lậu có ba thứ: Hoặc đối trị với tà kiến, chẳng phải vô trí, hoặc đối trị với vô trí, chẳng phải tà kiến. Hoặc đối trị với tà kiến, cũng đối trị với vô trí. Nếu đối trị với tà kiến, chẳng phải vô trí, là kiến chứ chẳng phải trí, như các nhãn trong kiến đạo. Nếu đối trị với vô trí, chẳng phải tà kiến: Là trí chứ chẳng phải kiến, như tận trí, trí vô sinh. Nếu đối trị với tà kiến, cũng đối trị với vô trí, là các tuệ vô lậu khác.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì sao tận trí, trí vô sinh chẳng phải kiến?

Đáp: Nếu tận trí, trí vô sinh là tánh của kiến, thì A-la-hán thành tựu chín thứ đạo. Nhưng Phật, Thế tôn nói A-la-hán thành tựu mười thứ đạo.

Hỏi: Như Chánh kiến thế tục là tánh kiến, tánh trí. Kiến học là tánh kiến, tánh trí. Kiến Vô học là tánh kiến, tánh trí. Nếu tận trí, trí vô sinh, cũng là tánh kiến, tánh trí thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu như phương tiện, lúc nhập pháp đầu tiên: Chánh kiến thế tục là kiến, là trí thì lập chi chánh kiến, chẳng phải chi chánh kiến, kiến học là kiến, là trí thì lập chi chánh kiến, chẳng phải chi chánh trí. Kiến Vô học là kiến, là trí thì lập chi chánh kiến, không lập chi chánh trí. Thế của tận trí, trí vô sinh như thế cũng là kiến, là trí lẽ ra cũng lập chi chánh kiến, không lập chi chánh trí, tức A-la-hán thành tựu chín thứ

---

đạo không có mười. Nhưng Đức Thế tôn nói A-la-hán thành tựu mười thứ đạo.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Quyết định không nghi ngờ, trí này là kiến. Vì sao? Vì mạnh mẽ và nhạy bén. Nếu hỏi rằng: A-la-hán thành tựu chín thứ đạo, nhưng Phật nói có mười thứ đạo, thì nên đáp như thế này: Hai trong mười thứ đạo ở địa Vô học, tám ở địa Hữu học, Vô học. Vừa là kiến, vừa là trí, nghĩa là trừ các nhãn trong kiến đạo, là tận trí, trí vô sinh, các tuệ vô lậu khác. Trí đó là gì? Đó là tám trí học, chánh kiến Vô học, năm kiến, chánh kiến thế tục, vừa là tướng của kiến, vừa là tướng của trí. Chẳng phải trí, chẳng phải kiến trừ ngần ấy việc trên.

Nếu pháp là trường hợp thứ nhất, thứ hai, thứ ba đã lập, thì gọi là đã xưng nói. Trừ pháp này ra, các pháp khác chưa đặt tên, chưa xưng nói, thì lập ra trường hợp thứ tư. Pháp ấy là gì? Trừ nhãn căn trong sắc ấm, đó là các sắc ấm khác. Trừ tất cả tuệ trong hành ấm, đó là thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một, cũng ở địa của ý, cũng ở địa của năm thức, vừa hữu lậu, vô lậu, vừa là các hành ấm tương ứng, bất tương ứng khác.

Ba ấm và pháp vô vi như thế v.v... tạo ra trường hợp thứ tư, đó gọi là ngần ấy việc trên.

Nếu kiến là tuệ cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Kiến chẳng phải tuệ: Là nhãn căn.
2. Tuệ chẳng phải kiến: Trừ năm kiến, chánh kiến thế tục, các tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức khác. Tuệ tương ứng với năm thức và tận trí, trí vô sinh. Ngoài ra, nói rộng như bốn trường hợp trước.

3. Vừa là kiến, vừa là tuệ: Trừ tận trí, trí vô sinh, các tuệ vô lậu khác. Tuệ đó là gì? Đó là các nhãn trong kiến đạo, tám trí học, chánh kiến Vô học, năm kiến, chánh kiến thế tục, các pháp này có tướng của kiến, tướng của tuệ.

4. Chẳng phải là kiến, chẳng phải tuệ: Trừ ngần ấy việc trên, như trước đã nói.

Nếu trí là tuệ chẳng? Đáp: Các trí đều là tuệ.

Có khi nào là tuệ, mà không phải trí phải chăng?

Đáp: Có, là các nhãn trong kiến đạo. Nói rộng gồm nhiếp cũng giống như thế.

\* \* \* \* \*